TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 7 - 2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tiến

2. Ông Trần Thị Năm

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B mở phiên toà sơ thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Thôn R, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Hà Huy N, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 01 năm 2018 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Hà Huy N sau một thời gian tự do tìm hiểu và đi đến kết hôn. Ngày 20/7/2007, anh chị đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh N tại thôn Đ, xã T, huyện B, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, bình thường. Quá trình chung sống vợ chồng, anh N thường xuyên rượu chè say sỉn, không chịu khó làm ăn, mặc dù chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh không nghe mà còn đánh đập, bạo hành chị dẫn đến việc chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn R. Đầu năm 2008, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng anh N nhiều lần bạo hành chị, tình cảm vợ chồng không được cải thiện và một lần nữa chị đã không chịu được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn R, xã T, huyện B và sống ly

thân với anh N từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc và không còn tình cảm với nhau nữa. Nay chị và anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim P, sinh ngày 11/4/2008, hiện nay cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và không yêu cầu anh N phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn là anh Hà Huy N trình bày: Anh thừa nhận lời khai của chị P về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do tính cách của vợ chồng anh không hợp nhau. Theo anh khoảng ba tháng sau khi kết hôn, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, chị P đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn R, xã T, huyện B. Sau đó, anh cũng đi làm ăn ở Campuchia đến tháng 12 năm 2017 anh mới trở về. Từ đó đến nay, vợ chồng anh sống ly thân, không còn tình cảm với nhau nữa. Nay chị P xin ly hôn, anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim P, sinh ngày 11/4/2008, hiện nay cháu đang ở với chị P. Nếu ly hôn anh không đồng ý để chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P.

Về tài sản chung: Không có nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Hà Huy N nhiều lần để tiến hành hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Ngày 19/7/2018, anh N tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của chị P, lời khai của chị P tại phiên tòa thể hiện việc kết hôn giữa chị và anh Hà Huy N trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng, anh N không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm lo cho đời sống gia đình, vợ con. Ngoài ra, anh N còn thường xuyên uống rượu dẫn đến đánh đập và bạo hành chị P mặc dù chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh không sửa. Đó chính là nguyên nhân nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống vợ chồng và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Từ tháng 01/2008, chị P

đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn R, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc và sống ly thân hoàn toàn với anh N, hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến tiến hành hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa ngày 19/7/2018, anh N tiếp tục vắng mặt, mặc dù không đồng ý ly hôn tuy nhiên anh N đã không đưa ra được phương hướng cũng như có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng trong suốt thời gian từ năm 2008 đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị P xin ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Vợ chồng chị P, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim P, sinh ngày 11/4/2008, hiện nay cháu P đang ở với chị P. Ly hôn, chị P xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P và không yêu cầu anh N đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N không đồng ý giao cháu P cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu P từ khi cháu sinh ra đến nay đều do chị P là người trực tiếp một mình chăm sóc. Anh N là bố của cháu P nhưng khi chị P về nhà bố mẹ đẻ và sinh con ở đó anh cũng không quan tâm hay có trách nhiệm gì đối với cháu P và chị P. Mặt khác, bản thân anh N hiện sức khỏe yếu và không có chỗ ở ổn định (đang ở nhờ tại thôn B, xã B, huyện B do Nhà nước thu hồi đất để làm khu công nghiệp chưa được cắm đất tái định cư). Do đó, để bảo đảm điều kiện tốt nhất đối với việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, cần giao cháu P cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh N không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con cùng chị P.

Về tài sản chung: Chị P và anh N đều thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Hà Huy N.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Kim P, sinh ngày 11/4/2008 (hiện cháu P đang ở cùng với chị P). Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án

phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002545 ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND H.B;
- Chi cục THADS H.B;
- UBND xã T, H.B;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Anh Vũ